TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2023/HSST
Ngày: 27- 12 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Anh và ông Nguyễn Bá Long

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2023/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê B, sinh năm: 1991

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam
Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã Tr, huyện N, Thanh Hóa.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
Con ông: Lê Đ – sinh năm 1950 và bà : Lê Thị B - sinh năm 1960
Vợ: Lê Thị Mỹ L – sinh năm 2002; Có 01 con, sinh năm 2022.

- Nhân thân:

+ Bản án số 150/2011/HSST ngày 04/7/2011 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt B 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/4/2011), án phí HSST 200.000đ. Ngày 06/01/2012, B chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 10/5/2012, B nộp tiền án phí HSST 200.000đ.

+ Bản án số 10/2015/HSST ngày 05/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt B 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2014), án phí HSST 200.000đ. Ngày 24/6/2015, B chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 25/6/2015 B nộp 200.000đ án phí HSST.

+ Bản án số 27/2016/HSST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt B 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2016; án phí HSST 200.000đ. Ngày

05/6/2017, B chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 21/7/2016, B nộp tiền án phí.

- Tiền sự: không.

- Tiền án: Bản án số 42/2020/HSST ngày 06/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt B 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; án phí HSST 200.000đ. Ngày 12/9/2021, B chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 01/12/2020, B nộp tiền án phí.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hữu D1, Sinh năm: 1985

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Con ông: Lê Hữu D2, sinh năm 1956; Con bà: Lường Thị T, sinh năm 1959; Vợ: Lê Thị V, sinh năm 1993; Có 02 con. Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020.

- Nhân thân:

+ Ngày 15/7/2010, bị Chủ tịch UBND Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện với thời hạn 12 tháng.

+ Bản án số 49/2014/HSST ngày 13, 14/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt D1 03 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp 03 năm tù của Bản án số 40/2014/HSST ngày 25/9/2014, của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2014; án phí HSST 200.000đ. Ngày 24/01/2019, D1 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 14/11/2014, D1 nộp tiền án phí. (Phạm tội ngày 14/3/2014).

- Tiền sự: không.

***- Tiền án*:**

Bản án số 40/2014/HSST ngày 25/9/2014, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt D1 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2014; án phí HSST 200.000đ; Phạt bổ sung 10.000.000đ. D1 đã nộp được tổng số tiền là 4.200.000đ, chưa thi hành 6.000.000đ, (phạm tội ngày 30/5/2014).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3.Vũ Đình Q, Sinh năm: 1997

Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không

Con ông: Vũ Đình H – Đã chết,; Con bà: Mai Thị D - sinh năm 1975

- Nhân thân:

+ Ngày 29/8/2019, Công an huyện Triệu Sơn xử phạt 1.500.000đ về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Bản án số 49/2019/HS-ST ngày 08/10/2019, Tòa án nhân dân huyện

Triệu Sơn xử phạt Q 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2019; án phí HSST 200.000đ. Ngày 03/6/2020, Q chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 03/3/2020, Q nộp tiền án phí.

- ***Tiền sự***: Ngày 15/01/2023, Công an huyện Triệu Sơn xử phạt 5.000.000đ về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- ***Tiền án*****:** không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Hữu D2, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh: Lê P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 2, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

+ Chị Lê Thị V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h00', ngày 26/6/2023, Tổ công tác Công an xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn phối hợp cùng Công an huyện Triệu Sơn đang trên đường tuần tra kiểm soát tại khu vực thôn L, xã Đ thì phát hiện và bắt quả tang Vũ Đình Q đang có hành vi tàng trữ trên người 01 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất rắn màu trắng ngà dạng cục vụn nghi là ma túy. Q khai đây là ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Đình Q khai: Khoảng 14 giờ ngày 26/6/2023, Q đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết đến khu vực xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Q dùng số điện thoại 0971.758.780 gọi đến số điện thoại 0367.046.545 của Lê Hữu D1 để hỏi mua 300.000đ ma túy thì được D1 đồng ý. Khoảng 10 phút sau, D1 đi bộ, cầm theo một gói ma túy đến cây cầu gần nhà đưa cho Q, Q đưa cho D1 300.000đ. Đến 16h cùng ngày, khi Q mang theo gói ma túy vừa mua của D1 đến khu vực sân bóng của xã để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang.

Vào hồi 18 giờ ngày 26/6/2023, Lê Hữu D1 đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú. Đến 10 giờ ngày 27/6/2023, Lê B đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hữu D1, Lê B khai:

Khoảng 09 giờ ngày 23/6/2023, Lê Hữu D1 dùng tài khoản zalo "D1 Lê" gọi đến tài khoản zalo "Pé Mỹ H" của Lê B để hỏi mua 1.000.000đ ma túy, loại heroine, thì được B đồng ý và hẹn D1 tối cùng ngày sẽ đưa ma túy cho D1 tại khu vực nghĩa trang thôn M.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, B đi xe buýt xuống khu vực Bệnh viện nhi tỉnh Thanh Hóa gặp một người đàn ông không quen biết mua 700.000đ tiền

ma túy, mang về nhà chia ra thành nhiều gói để bán kiếm lời, nhưng do bị ướt nên B vứt đi vài gói, còn lại 02 gói ma túy B để bán kiếm lời. Đến khoảng 20 giờ, D1 đi xe mô tô đến khu vực nghĩa trang thôn M và gọi điện cho B. Khoảng 15 phút sau, B đi đến, D1 đưa cho B số tiền 1.000.000đ, B đưa cho D1 01 gói ma túy. D1 mang ma túy về nhà chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán kiếm lời.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Đình Q nhưng không thu giữ được gì.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hữu D1 thu giữ: 01 gói giấy màu trắng, có dòng kẻ và chữ màu đen, bên trong có chứa chất rắn màu trắng nghi là ma túy (niêm phong ký hiệu M2); 01 dao lam (niêm phong ký hiệu M3); 01 điện thoại Nokia; 01 điện thoại Redmi; 01 điện thoại OPPO A55 và số tiền 23.650.000đ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê B thu giữ: 01 túi ni lông màu trắng có viền màu đỏ, bên trong có chứa chất rắn màu trắng nghi là ma túy (niêm phong ký hiệu B1); 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 03 mẫu kim loại hình trụ màu vàng (niêm phong ký hiệu B2); 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu đen.

Tại Bản kết luận giám định số 2478/KL-KTHS ngày 30/6/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa có kết luận: Chất rắn màu trắng của phong bì thư do bưu điện phát hành, niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,045g, loại: Heroine. Chất rắn màu trắng của phong bì thư do bưu điện phát hành ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,097g, loại: Heroine. Chất rắn Chất màu trắng bám dính trên bề mặt dao lam có ghi chữ CROMA của phong bì thư do bưu điện phát hành ký hiệu M3 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Heroine. Chất rắn màu trắng của phong bì thư do bưu điện phát hành ký hiệu B1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,061g loại: Heroine.

Tại Bản kết luận giám định số 2547/KL-KTHS ngày 05/7/2023, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 03 viên đạn có số kí hiệu "9mm PAK YAS GLD" niêm phong ký hiệu B2 gửi đến giám định đều là loại đạn cao su, thuộc danh mục công cụ hỗ trợ - không phải vũ khí và không phải vật liệu nổ.

Bản cáo trạng số 116/CT- VKS- TS, ngày 16 tháng 11 năm 2023 của V kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, truy tố các bị cáo phạm tội như sau:

+ Lê B và Lê Hữu D1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật Hình sự;

+ Vũ Đình Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận việc phạm tội của mình và khẳng định bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Bị cáo Lê B khẳng định chiếc điện thoại iphone 12 promax bị cáo bị công an thu giữ là của anh Lê P (là anh trai bị cáo) bị cáo thường mượn để chơi game, ngày 23/6/2023 bị cáo có dùng chiếc điện thoại để đăng nhập zalo và liên lạc với D1.

Bị cáo D1 khẳng định số tiền. 23.650.000đ là của là ông Lê Hữu D2 (bố bị cáo) đưa cho bị cáo để bị cáo đi trả tiền sơn cho ông, chiếc điện thoại oppo A55 màu xanh của vợ bị cáo là chị Lê Thị V, bị cáo tự ý lấy để sử dụng. Các tang vật trên đang bị Công an khám xét và thu giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê P; Chị V và bà Thanh (vợ công D2) có mặt tại phiên tòa đều có nguyện vọng xin được nhận lại tài sản của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Lê B và Lê Hữu D1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Vũ Đình Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và xử phạt các bị cáo như sau:

+ Đối với các bị cáo Lê B và Lê Hữu D1:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, Khoản 1 Điều 52;

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê B và Lê Hữu D1 từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

+ Đối với Vũ Đình Q: Đề nghị áp dụng Điểm a, khoản 1 Điều 249; Điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đề nghị xử phạt Vũ Đình Q từ 16 đến 20 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo;

Về vật chứng đề nghị: Áp dụng Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng HS.

+ Đề nghị tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

+ Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà 01 điện thoại nhãn hiệu Opo A7 của Vũ Đình Q; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại Rermi màu đen của Lê Hữu D1 là công cụ P tiện phạm tội.

+ Đề nghị truy thu của Lê Hữu D1 số tiền 300.000đ là tiền thu lời bất chính do D1 bán ma túy cho Q. Truy thu của bị cáo Lê B số tiền 1.000.000đ là tiền thu lời bất chính do B bán ma túy cho D1.

+ Đề nghị trả lại cho ông Lê Hữu D2 số tiền 23.650.000đ; Trả lại cho chị Lê Thị V 01 điện thoại Oppo A55 màu xanh; Trả lại cho anh Lê P 01 điện thoại Iphonne 12 promax màu xanh, do các vật chứng này không liên quan đến vụ án.

Về án phí đề nghị: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào phòng nghị án, các bị cáo đều nhận thức thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cùng xin Hội đồng xét xử sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo được xác định bởi: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại khu vực nghĩa trang thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Lê B bán cho Lê Hữu D1 số tiền 1.000.000 đồng tiền ma túy với tổng trọng lượng là 0,142g, loại Heroine.

Sau đó, khoảng 14 giờ ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Lê Hữu D1 bán cho Vũ Đình Q 0,045g ma túy, loại: Heroine, với số tiền 300.000đ. Khi Q đang tàng trữ để sử dụng thì bị lực lượng Công an huyện Triệu Sơn phát hiện và bắt quả tang.

Ngoài ra, D1 còn tàng trữ 0,097g ma túy loại Heroine; B tàng trữ 0,061g ma túy loại Heroine để bán kiếm lời.

Hành vi trên của Lê B và Lê Hữu Duẫn đã phạm vào tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật hình sự.

Do Vũ Đình Q đang có tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên hành vi mua 0,045g ma túy để sử dụng cho bản thân của Q cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự..

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và đều đã có thời gian đi chấp hành hình phạt tù, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật mà vẫn tiếp tục phạm tội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước về

chất gây nghiện, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là hiểm họa lớn cho xã hội, làm hủy hoại giá trị đạo đức, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê B và Lê Hữu D1 phạm tội khi chưa được xóa án tích, nên chịu tình tiết tăng nặng " tái phạm" theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Vì vậy Lê B; Lê Hữu Duẫn và Vũ Đình Q đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra B và D1 đều đầu thú, Q có bố là thương binh hạng A, nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo B và D1 có vai trò đồng phạm giản đơn, B bán ma túy cho D1, sau khi có số ma túy mua từ B, D1 lại bán cho Q để kiếm lời. Do đó B và D1 có vai trò như nhau.

[5] Về trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và xét đề nghị của đại diện V Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ răn đe, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với người đã bán ma túy cho Lê B, quá trình điều tra không xác định được lai lịch của đối tượng này nên không có căn cứ để xử lý.

Trong vụ án này, anh Lê P cho bị cáo B mượn điện thoại; Chị V cho bị cáo D1 mượn điện thoại nhưng không biết, không được hưởng lợi gì về việc mua bán ma túy của các bị cáo, nên không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có tài sản gì, nghiện ma túy. Vì vậy không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng HS.

+ Tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A7 của Vũ Đình Q; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại Rermi màu đen của Lê Hữu D1 do là công cụ P tiện phạm tội.

+ Truy thu của Lê Hữu D1 số tiền 300.000đ là tiền thu lời bất chính do D1 bán ma túy cho Q. Truy thu của bị cáo Lê B số tiền 1.000.000đ là tiền thu lời bất chính do B bán ma túy cho D1.

+ Trả lại cho ông Lê Hữu D2 số tiền 23.650.000đ; Trả lại cho chị Lê Thị V 01 điện thoại Oppo A55 màu xanh; Trả lại cho anh Lê P 01 điện thoại Iphonne 12 promax màu xanh, do các vật chứng này không liên quan đến vụ.

Đối với 03 viên đạn có số kí hiệu "9mm PAK YAS GLD" trong vụ trên gửi đến giám định đều là loại đạn cao su, thuộc danh mục công cụ hỗ trợ - không phải vũ khí và không phải vật liệu nổ do Công an thu giữ tại nhà của B, không liên quan đến vụ án. Vì vậy Công an huyện Triệu Sơn đã chuyển vật chứng và hồ sơ cho Công an huyện Nông Cống xử lý theo quy định.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- ***Căn cứ***:

+ ***Đối với bị cáo Lê B và Lê Hữu D1:*** Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, Khoản 1, Điều 52;

+ ***Đối với Vũ Đình Q***: Áp dụng Điểm a, khoản 1 Điều 249; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự .

- ***Tuyên bố*:** Các bị cáo Lê B và Lê Hữu D1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Vũ Đình Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

- ***Xử phạt***:

+ Lê B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2023.

+ Lê Hữu D1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

+ Vũ Đình Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù từ ngày 26/6/2023.

- ***Về xử lý vật chứng***: Áp dụng Điều 47 BLHS; Khoản 1, 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Opo A7 của Vũ Đình Q; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại Rermi màu đen của Lê Hữu D1 là công cụ P tiện phạm tội.

+ Truy thu của Lê Hữu D1 số tiền 300.000đ là tiền thu lời bất chính do D1 bán ma túy cho Q. Truy thu của bị cáo Lê B số tiền 1.000.000đ là tiền thu lời bất chính do B bán ma túy cho D1.

+ Trả lại cho ông Lê Hữu D2 số tiền 23.650.000đ; Trả lại cho chị Lê Thị V 01 điện thoại Oppo A55 màu xanh; Trả lại cho anh Lê P 01 điện thoại Iphonne 12 promax màu xanh, do các vật chứng này không liên quan đến vụ.

Tất cả các tang vật trên hiện đang lưu trữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Triệu Sơn theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/12/2023. Riêng số tiền 23.650.000đ hiện đã được chuyển đến số tài khoản 3949.0.9062237 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Triệu Sơn theo giấy ủy nhiệm chi ngày 18/12/2023.

Đối với 03 viên đạn có số kí hiệu "9mm PAK YAS GLD" trong vụ trên gửi đến giám định đều là loại đạn cao su, thuộc danh mục công cụ hỗ trợ - không phải vũ khí và không phải vật liệu nổ do Công an thu giữ tại nhà của B, không liên quan đến vụ án. Vì vậy Công an huyện Triệu Sơn đã chuyển vật chứng và hồ sơ cho Công an huyện Nông Cống xử lý theo quy định.

- ***Về án phí***: Áp dụng khoản 2 Điều 135;136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/6/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê B, Lê Hữu D1 và Vũ Đình Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333; 336; 337 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- THA huyện Triệu Sơn
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy